

Bản án số: 14/2024/DS-ST

Ngày: 17 - 4 - 2024.

“V/v tranh chấp hợp đồng mượn tài sản (vàng)”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Duy Tân;

Ông Lê Hoàng Diệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản (vàng)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn Đ; Cư trú tại: Số 03, ấp Phương T, xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn V; Cư trú tại: Ấp Mỹ A, xã Mỹ H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 01 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:

Vào ngày 09/07/2023 dương lịch (nhằm ngày 22 tháng 5 âm lịch), ông Đ có cho ông Lê Văn V mượn 02 chỉ vàng 9999 (Tiệm vàng Kim Tín - thành phố Cần Thơ). Ông V hứa trong thời gian 1,5 tháng sẽ trả lại số vàng đã mượn cho ông Đ, nhưng đến nay vẫn chưa trả số vàng trên cho ông Đ. Ông Đ nhiều lần đến tìm ông V để yêu cầu trả số vàng đã mượn nhưng ông V cố tình lánh mặt, không chịu trả cho ông Đ như đã thỏa thuận.

Ông Phạm Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết. Buộc ông Lê Văn V phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ số vàng đã mượn là 02 chỉ vàng 9999 (Tiệm vàng Kim Tín - thành phố Cần Thơ, giá trị hiện tại là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

Đối với bị đơn ông Lê Văn V: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn 02 (hai) lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn ông Lê Văn V đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn ông Lê Văn V chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bị đơn ông Lê Văn V mượn vàng của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ, ông Đ cung cấp Giấy mượn vàng lập ngày 22/5 ÂL, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn biết nhưng bị đơn không có ý kiến gì việc bị đơn mượn vàng của nguyên đơn, nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ. Buộc bị đơn ông Lê Văn V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 02 chỉ vàng 9999 được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn ông Lê Văn V đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Văn V.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vàng mượn. Trong quá trình mượn vàng bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả vàng mượn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mượn tài sản (vàng) chứ không

phải tranh chấp hợp đồng vay tài sản (vàng) như Tòa án xác định khi thụ lý vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp cho phù hợp với nội dung tranh chấp.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mượn tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú ấp Mỹ A, xã Mỹ H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[4] Bị đơn mượn vàng của nguyên đơn, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án Giấy mượn vàng lập ngày 22/5 ÂL trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn mượn vàng của nguyên đơn, bị đơn biết nhưng bị đơn không có ý kiến gì việc bị đơn mượn vàng của nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy. Bị đơn mượn vàng của nguyên đơn có làm Giấy mượn vàng lập ngày 22/5 ÂL, từ khi mượn đến nay bị đơn chưa trả vàng cho nguyên đơn, cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán vàng mượn. Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án có thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn mượn vàng 02 chỉ vàng 9999, nhưng bị đơn không có ý kiến gì việc bị đơn mượn vàng của nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 494 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Hợp đồng mượn tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho mượn giao tài sản cho bên mượn để sử dụng trong một thời hạn mà không phải trả tiền, bên mượn phải trả lại tài sản đó khi hết thời hạn mượn hoặc mục đích mượn đã đạt được*”. Cho nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn đòi lại vàng mượn là đúng quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số: 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng. Hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng, sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán. Do đó, bị đơn ông V mượn 02 chỉ vàng 9999 được quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử vụ án là 7.420.000 đồng/01 chỉ vàng 9999 (Bảy triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Từ những phân tích trên đủ cơ sở buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Đ 02 chỉ vàng 9999.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí là 742.000 (Bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357; Điều 468 và Điều 494 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 4 Điều 19 Nghị định số: 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Đ. Buộc bị đơn ông Lê Văn V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Phạm Văn Đ 02 (Hai) chỉ vàng 9999. Quy đổi ra tiền Việt Nam đồng theo giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử vụ án là 7.420.000 đồng/01 chỉ vàng 9999 (Bảy triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 325.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003407 ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 742.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh